

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 6 - 2018.
V/v tranh chấp về chia tài sản sau
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Phúc;

Bà Thị Amina.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Tổ 1, khu phố 4, thị trấn Tân C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt,

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thế C**, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Tổ 1, khu phố 4, thị trấn Tân C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 12 năm 2017, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Chị và anh C sống chung từ năm 2006 đến năm 2017 thì ly hôn. Trong quá trình sống chung chị và anh C có tạo dựng một số tài sản chung như sau:

1. 01 căn nhà xây cấp IV, diện tích khoảng 108 m², nằm trên phần đất (tài sản riêng của anh C có trước khi kết hôn với chị) ở tổ 1, khu phố 4, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Nhà này xây nhiều lần: nhà xây lần đầu

vào năm 2004, xây 01 phòng ngủ, 01 căn bếp, xây không có trát vữa (do gia đình anh C xây), đến năm 2005 xây thêm 01 phòng khách và trát vữa luôn phòng ngủ và bếp (do gia đình anh C xây), đến năm 2006 chị kết hôn với anh C, do khi xây nhà còn nợ 29.000.000 đồng, chị có lấy tiền chung của chị và anh C để trả số tiền nợ xây nhà này. Đến năm 2009, xây thêm 01 phòng khách, 01 phòng ngủ, 01 nhà bếp, 01 nhà vệ sinh, 01 khung sắt phía sau nhà, 01 vòm sắt ở phía trước nhà số tiền xây khoảng 110.000.000 đồng, số tiền này này là do chị và anh C bỏ ra. Hiện tại, sau khi ly hôn chị và anh C vẫn còn sử dụng chung nhà với nhau. Theo chị ước tính giá trị căn nhà này là 226.000.000 đồng.

2. 01 tủ lạnh hiệu Hitachi (chị không rõ dung tích) vợ chồng chị mua năm 2015.

3. 01 Tivi hiệu Sony màn hình phẳng 48in, mua 2016.

4. 01 máy giặt hiệu Toshiba 8,5 kg, mua năm 2007.

5. 01 tủ chén kiềng nhôm cao 1,7 m, ngang 02 m, sâu 5 tất, mua năm 2009.

6. 01 tủ gỗ đựng quần áo, cao 2,2 m, ngang 02 m, sâu khoảng 07 tất, mua năm 2015.

7. 01 bồn tắm bằng sứ dung tích khoảng 200 lít, mua năm 2009.

8. 01 xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter biển số 70S1-7233, mua năm 2009, Giấy đăng ký xe do chị đứng tên. Xe này anh C đang quản lý, sử dụng.

9. 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 70K1-00993, mua năm 2011, giấy đăng ký xe do chị đứng tên. Xe này chị đang quản lý, sử dụng.

10. 01 tủ gỗ kiểu để tivi, mua năm 2009.

11. 01 tủ để ti vi bằng gỗ ép, mua năm 2006.

12. 01 nệm cao su Vạn Thành 1,6 m x 2 m dày khoảng 10 cm, mua năm 2010.

13. 01 nệm lò xo Vạn Thành 1,6 m x 2 m dày khoảng 03 tất, mua năm 2007.

14. 01 giường sắt kích thước 1,6 m x 2 m, mua năm 2009.

15. 01 sòng chén bằng inox, mua năm 2009.

16. 01 sòng chén bằng nhựa, mua năm 2015.

17. 01 bếp gas hiệu Rinnai, mua năm 2016.

18. 01 con cóc bằng gỗ cây xá xị, mua năm 2015.

19. 01 bàn bằng gỗ ép để máy vi tính, mua năm 2008.

20. 01 chân sắt để bồn inox mua, năm 2007.

21. 01 bồn inox dung tích 1.000 lít, mua năm 2007.

22. 01 xe đạp Nhật, mua năm 2014.

Sau khi có kết quả thẩm định giá tài sản, chị và anh C đã tự thỏa thuận chia được các tài sản gồm: 01 tủ lạnh, 01 ti vi, 01 máy giặt hiệu Toshiba, 01 tủ chén kiếng nhôm, 01 tủ gỗ để quần áo, 01 bồn tắm, 01 xe mô tô hiệu Honda Yamaha Jupiter biển số 70S1-7233, 01 xe mô tô Honda Yamaha Sirius biển số 70K1-00993, 01 tủ kiểu để ti vi bằng gỗ, 01 tủ để tivi bằng gỗ ép, 01 nệm cao su, 01 nệm lò xo, 01 giường sắt, 01 sòng chén inox, 01 sòng chén nhựa, 01 bếp gas, 01 con cóc gỗ, 01 bàn vi tính, 01 chân bồn sắt, 01 bồn inox, 01 xe đạp Nhật; đối với các tài sản này chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa, nên chị rút lại một phần yêu cầu chia phần tài sản chung này.

Nay, chị chỉ yêu cầu chia tài sản chung là 01 căn nhà xây năm 2006, diện tích và giá trị như tại chứng thư thẩm định giá số 0623N/2018/CY-MHD ngày 24/5/2018 của Công ty THHH thẩm định giá MHD, giá trị căn nhà theo chứng thư thẩm định giá là 179.030.919 đồng, theo chị đây là tài sản chung, chị yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà khoảng 100.000.000 đồng, giao căn nhà cho anh C tiếp tục sử dụng. Chị không yêu cầu, trình bày gì thêm.

Về nợ chung: Chị và anh C không có nợ bất kỳ ai và cũng không có ai nợ chị và anh C.

Tại bản tự khai ngày 26 tháng 01 năm 2018, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thế C trình bày:

Theo anh những tài sản mà Chị L trình bày đã đầy đủ, anh không trình bày thêm. Tuy nhiên, trong khối tài sản mà chị L trình bày có tài sản là tài sản chung, có tài sản là tài sản riêng của anh (có trước, sau khi kết hôn). Cụ thể những tài sản mà anh cho rằng là tài sản riêng của anh gồm:

- Căn nhà xây năm 2004, 2006 (diện tích 66 m²) là nhà xây trước khi kết hôn, do gia đình anh xây, sau khi kết hôn anh và Chị L chỉ đóng góp thêm số tiền 29.000.000 đồng để trả nợ xây nhà.

Các tài sản chung của anh và chị L gồm: 01 tủ lạnh, 01 ti vi, 01 máy giặt hiệu Toshiba, 01 tủ chén kiếng nhôm, 01 tủ gỗ quần áo, 01 bồn tắm, 01 xe mô tô hiệu Honda Yamaha Jupiter, 01 xe mô tô hiệu Honda Yamaha Sirius, 01 tủ kiểu ti vi gỗ, 01 tủ để tivi gỗ ép, 01 nệm cao su, 01 nệm lò xo, 01 giường sắt, 01 sòng chén inox, 01 sòng chén nhựa, 01 bếp gas, 01 con cóc bằng gỗ, 01 bàn để máy vi tính, 01 chân bồn sắt, 01 bồn inox, 01 xe đạp Nhật; đối với các tài sản này anh và chị L đã tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Còn về căn nhà xây năm 2006 diện tích và giá trị như tại chứng thư thẩm định giá số 0623N/2018/CY-MHD ngày 24/5/2018 của Công ty THHH thẩm định giá MHD, theo anh trong căn nhà chỉ có một phần là tài sản chung của anh và chị L, chị L chỉ có đóng góp trong phần trả nợ chung xây nhà là 29.000.000 đồng và sửa chữa mái sau là 110.000.000 đồng. Anh không đồng ý giao cho Chị L 100.000.000 đồng, anh yêu cầu Tòa án căn cứ kết quả định giá tài sản và giải quyết chia cho Chị L theo công sức đóng góp của Chị L trong căn nhà trên theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Anh và chị L không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng:

Căn cứ các Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị Mỹ L đối với anh Nguyễn Thế C.

Chia cho anh C được quyền sở hữu: 01 căn nhà, anh C có trách nhiệm thanh toán cho chị L số tiền 69.500.000 đồng.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Thế C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các tài sản chung của Chị L và anh C gồm: 01 tủ lạnh, 01 ti vi, 01 máy giặt hiệu Toshiba, 01 tủ chén kiếng nhôm, 01 tủ gỗ đựng quần áo, 01 bồn tắm, 01 xe mô tô hiệu Honda Yamaha Jupiter, biển số 70S1-7233, 01 xe mô tô hiệu Honda Yamaha Sirius, biển số 70K1-00993, 01 tủ kiểu để ti vi gỗ, 01 tủ để tivi bằng gỗ ép, 01 nệm cao su, 01 nệm lò xo, 01 giường sắt, 01 sóng chén inox, 01 sóng chén nhựa, 01 bếp gas, 01 con cóc gỗ, 01 bàn vi tính, 01 chân bồn sắt, 01 bồn inox, 01 xe đạp Nhật; Chị L và anh C đã tự thỏa thuận được, không có tranh chấp, Chị L đã rút lại yêu cầu khởi kiện về số tài sản này nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của Chị L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Đối với căn nhà cấp IV gắn liền với thửa đất diện tích 451,40 m², thửa số 10, tờ bản đồ số 27, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 005685 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp cho người sử dụng đất là anh Nguyễn Thế C, đất tọa lạc tại tổ 1, khu phố 4, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh: Chị L trình bày về nguồn gốc căn nhà khi chị về sống chung với anh C, nhà này đã xây 01 phòng khách, 01 phòng ngủ, sau đó, chị và anh C mới tu bổ và xây thêm một số phòng, nên căn nhà là tài sản chung của chị và anh C. Chị yêu cầu chia tài sản chung là 01 căn nhà xây năm 2006 diện tích và giá trị như tại chứng thư thẩm định giá số 0623N/2018/CY-MHD ngày 24/5/2018 của Công ty THHH thẩm định giá MHD, giá trị căn nhà theo chứng thư thẩm định giá là 179.030.919 đồng, theo chị đây là tài sản chung, nguyện

vọng chị nhận giá trị căn nhà là 100.000.000 đồng, giao căn nhà cho anh C tiếp tục sử dụng. Anh C cho rằng trong căn nhà chỉ có một phần là tài sản chung của anh và Chị L, Chị L chỉ có đóng góp trong phần trả nợ chung xây nhà là 29.000.000 đồng và sửa chữa mái sau là 110.000.000 đồng. Anh không đồng ý giao cho Chị L 100.000.000 đồng, anh yêu cầu Tòa án căn cứ kết quả định giá tài sản và giải quyết chia cho Chị L theo công sức đóng góp của Chị L trong căn nhà trên. Tại phiên tòa, nguyện vọng của anh được trực tiếp sử dụng căn nhà và thanh toán cho Chị L số tiền 65.000.000 đồng.

[3] Đối với diện tích căn nhà chính (59,10 m²) xây dựng năm 2006: Chị L và anh C đều xác định phần nhà chính được xây dựng năm 2006, trước khi Chị L và anh C chung sống (biên bản hòa giải ngày 09/3/2018). Anh C cho rằng đây là tài sản riêng của anh, anh C và Chị L cũng không có thỏa thuận nào để xác định phần diện tích nhà này là tài sản chung của anh chị. Mặc dù anh C đã đưa phần diện tích nhà này để vợ chồng sử dụng chung. Do đó, có cơ sở xác định phần diện tích nhà chính (59,10 m²) xây dựng năm 2006 là tài sản riêng của anh C. Tuy nhiên, anh C cũng thừa nhận Chị L có đóng góp 29.000.000 đồng để trả nợ xây căn nhà chính này. Căn cứ khoản 4, Điều 59 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: “*Trong trường hợp có sự sát nhập, trộn lẫn giữa tài sản riêng với tài sản chung mà vợ chồng có yêu cầu chia tài sản thì được thanh toán phần giá trị tài sản của mình đóng góp vào khối tài sản đó, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định công sức đóng góp chung của Chị L và anh C trong phần căn nhà chính là 29.000.000 đồng.

[4] Đối với 01 nhà ở phụ (phần chữ L), diện tích 61,50 m², 01 mái che diện tích 82,28 m², 01 nhà vệ sinh, diện tích 7,08 m², 01 nhà bếp, diện tích 24,75 m² xây năm 2009, anh C và Chị L thừa nhận là tài sản chung của anh chị. Tổng trị giá tài sản theo chứng thư thẩm định giá số 0623N/2018/CY-MHD ngày 24/5/2018 của Công ty THHH thẩm định giá MHD là 98.131.995 đồng; anh C và Chị L cũng xác định là tài sản chung của anh chị được tạo ra trong thời kỳ hôn nhân.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định tài sản chung của anh C và Chị L có giá trị là 98.131.995 đồng + 14.404.000 đồng (29.000.000 đồng x 49,67%) = 112.536.295 đồng.

[5] Xét hoàn cảnh của Chị L, anh C: Anh C và Chị L đã ly hôn, hiện tại, anh C là người trực tiếp sử dụng căn nhà (tài sản đang tranh chấp), còn Chị L đang thuê nhà trọ để sinh sống. Chị L còn phải nuôi con nhỏ sinh năm 2014 nên để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người vợ và con chưa thành niên. Chị L yêu cầu được nhận giá trị tài sản chung, giao tài sản chung cho anh C. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy căn nhà được xây dựng trên diện tích đất của anh C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên yêu cầu của Chị L là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận và chia cho Chị L giá trị tài sản nhiều hơn anh C là phù hợp theo quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Cụ thể, Chị L được chia giá trị tài sản là 70.000.000 đồng, anh C được chia giá trị tài sản là 42.536.295 đồng. Do anh C đang quản lý, sử dụng căn nhà chính, nhà

phụ chữ L, mái che, nhà vệ sinh, nhà bếp nên anh C tiếp tục được sở hữu, quản lý, sử dụng căn nhà này và có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản cho Chị L số tiền 70.000.000 đồng là phù hợp.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, anh Nguyễn Thế C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[7] Về chi phí thẩm định giá: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, anh Nguyễn Thế C mỗi người phải chịu chi phí thẩm định giá tài sản tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà Chị L, anh C được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 147, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị Mỹ L đối với anh Nguyễn Thế C:

1.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L đối với anh Nguyễn Thế C về chia các tài sản chung gồm: 01 tủ lạnh, 01 ti vi, 01 máy giặt hiệu Toshiba, 01 tủ chén kiếng nhôm, 01 tủ gỗ đựng quần áo, 01 bồn tắm, 01 xe mô tô hiệu Honda Yamaha Jupiter biển số 61S-7233, 01 xe mô tô hiệu Honda Yamaha Sirius biển số 70K1-00993, 01 tủ kiểu ti vi gỗ, 01 tủ để tivi gỗ ép, 01 nệm cao su, 01 nệm lò xo, 01 giường sắt, 01 sòng chén inox, 01 sòng chén nhựa, 01 bếp gas, 01 con cóc gỗ, 01 bàn vi tính, 01 chân bồn sắt, 01 bồn inox, 01 xe đạp Nhật.

1.2. Chia cho anh Nguyễn Thế C được quyền sở hữu:

- 01 căn nhà ở chính diện tích 59,10 m² xây dựng năm 2006, có: Móng và cột xây gạch, kết cấu bao che tường xây gạch, trát vữa, sơn P, cửa chính, cửa sổ: Khung sắt, gắn kính; mái lợp tole, trần tole lạnh kết cấu đỡ mái bằng đòn tay, nền gạch men.

- 01 nhà ở phụ (Phần chữ L) xây dựng năm 2009, diện tích 61,50 m² có: Móng và cột xây gạch, kết cấu bao che tường xây gạch, trát vữa, sơn P, một nửa tường mượn nhà ở chính, cửa chính: Khung sắt, gắn kính; mái lợp tole, trần tole lạnh kết cấu đỡ mái bằng đòn tay, nền gạch men.

- 01 mái che diện tích 82,28 m² xây năm 2009 có: Cột sắt tròn, không vách, mái lợp tole, kết cấu đỡ mái bằng sắt tiền chế, nền xi măng;

- 01 nhà vệ sinh, xây dựng năm 2009, diện tích 7,08 m² có: Móng và cột xây gạch, kết cấu bao che tường xây gạch, trát vữa, sơn P, bên trong có ốp gạch men; mái lợp tole, trần tole lạnh kết cấu đỡ mái bằng đòn tay, nền gạch men.

- 01 nhà bếp, diện tích 24,75 m² xây năm 2009 có: Cột sắt tròn, kết cấu bao che tường xây gạch, trát vữa, gắn lưới B40 đến mái, mái lợp tole, kết cấu đỡ mái bằng đòn tay, nền xi măng

Nhà ở chính, nhà ở phụ, mái che, nhà vệ sinh và nhà bếp gắn liền (không có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà) căn nhà nằm trên phần đất diện tích 451,40 m², thửa số 10, tờ bản đồ số 27, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 005685 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp cho người sử dụng đất là anh Nguyễn Thế C ngày 11/8/2004, đất tọa lạc tại tổ 1, khu phố 4, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Anh Nguyễn Thế C phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Thị Mỹ L cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Nguyễn Thế C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.267.500 (bốn triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm) đồng mà Chị L đã nộp theo biên lai thu số 0025110 ngày 15/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả lại cho Chị L số tiền chênh lệch là 767.500 (bảy trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

Anh Nguyễn Thế C phải chịu 2.127.000 (hai triệu một trăm hai mươi bảy nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí thẩm định giá: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 2.480.000 (hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng, anh Nguyễn Thế C phải chịu 1.520.000 (một triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng chi phí thẩm định giá tài sản. Do Chị L đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định giá và đã chi phí xong nên anh C có nghĩa vụ hoàn trả cho Chị L số tiền 1.520.000 (một triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng là chi phí thẩm định giá tài sản.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Thị Xuân Lan